

THỰC TRẠNG TÍNH TÍCH CỰC GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC BIỂU HIỆN THÔNG QUA NHẬN THỨC CỦA GIẢNG VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG SỰ PHẠM

Nguyễn Thị Tình
Trường ĐHSP Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết, tính tích cực giảng dạy (TTCGD) là một phẩm chất nhân cách của người giảng viên (GV), thể hiện ý thức tự giác của GV về mục đích của hoạt động giảng dạy, thông qua đó GV huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý nhằm tổ chức và thực hiện hoạt động giảng dạy có hiệu quả. TTCGD được nảy sinh, hình thành và phát triển trong hoạt động sự phạm.

TTCGD của GV được biểu hiện thông qua việc tích cực nhận thức và nhận thức đúng đắn về hoạt động sự phạm, có thái độ giảng dạy tích cực: tự giác, độc lập, chủ động trong giảng dạy; giảng dạy nhiệt tình, say mê; hăng hái tích cực tìm đọc tài liệu; sẵn sàng đổi mới; hứng thú và yêu thích môn học mình phụ trách; cố gắng, nỗ lực khắc phục mọi khó khăn trong giảng dạy... Đặc biệt, TTCGD còn được biểu hiện thông qua việc tích cực chuẩn bị bài giảng và tích cực trong hoạt động giảng dạy trên lớp và sau khi lên lớp cũng như tích cực trong việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV [1;302], [4], [5;49], [6;206].

Vậy thực trạng TTCGD của giảng viên đại học (GVĐH) được biểu hiện thông qua nhận thức của GV về hoạt động sự phạm như thế nào?

2. Thực trạng tính tích cực giảng dạy của giảng viên các trường đại học được biểu hiện thông qua nhận thức của giảng viên về hoạt động sự phạm

Để nghiên cứu TTCGD của GV các trường ĐH, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên các khách thể sau:

Bảng 1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Các trường ĐH	Số lượng GV	Số lượng SV	Số lượng CBQL
HV Biên phòng	97	139	14
ĐH Luật HN	108	131	10
ĐH Sư phạm HN	103	178	09
HV Tài chính	97	164	05
Tổng	405	712	38

2.1. Thực trạng động cơ chọn nghề của giảng viên các trường đại học

Như chúng ta đã biết, hoạt động luôn nhằm thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người. Khi nhu cầu gặp đối tượng thì đối tượng đó được chủ thể phản ánh, tư duy... và trở thành động cơ. Động cơ được hiểu là cái thúc đẩy con người hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu, là cái làm nảy sinh tính tích cực và qui định xu hướng của tính tích cực đó. Động cơ là động lực kích thích trực tiếp, là nguyên nhân trực tiếp của hành vi. Động cơ được coi là mục đích chung, mục đích cuối cùng của hoạt động. Để tìm hiểu động cơ chọn nghề của GV, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Vì sao thầy (cô) lựa chọn nghề giảng viên trong các trường đại học?" Kết quả được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2: Thực trạng động cơ nghề nghiệp của GV các trường ĐH

Các động cơ	GV		CBQL	
	SL	%	SL	%
1. Đây là nghề có ý nghĩa to lớn đối với xã hội	319	79,9	31	81,6
2. Kiếm được nhiều tiền	31	7,8	0	0
3. Có cơ hội học tập và phát triển	337	84,5	25	65,8
4. Có điều kiện làm việc tốt	224	56,1	12	31,6
5. Không phải kiếm sống ngoài nghề	43	10,8	5	13,2
6. Được xã hội nhìn nhận và đánh giá cao	239	59,9	26	68,4
7. Có những đóng góp cho ngành chuyên môn	254	63,7	20	52,6
8. Được tôn trọng	232	58,1	24	63,2
9. Được làm việc trong môi trường sư phạm	265	66,4	22	57,9
10. Có điều kiện khẳng định bản thân	216	54,1	18	47,4
11. Có điều kiện giao tiếp thiết lập quan hệ xã hội	222	55,6	17	44,7
12. Có thời gian để nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình	258	64,7	22	57,9

Động cơ chọn nghề của các thầy cô rất đa dạng và thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau. Trừ hai động cơ “Kiếm được nhiều tiền” và động cơ “Không phải kiếm sống ngoài nghề” có mức độ thấp nhất (31 ý kiến chiếm 7,8% và 43 ý kiến chiếm 10,8%) thì tất cả các động cơ còn lại đều được GV lựa chọn ở mức độ cao. Mức độ cao nhất là “Có cơ hội học tập, phát triển” (337 ý kiến chiếm 84,5 %). Tiếp đến “là nghề có ý nghĩa to lớn đối với xã hội” (319 ý kiến chiếm 79,9%). Và đứng thứ 3 là “Được làm việc trong môi trường sư phạm” (265 ý kiến chiếm 66,4%). Tuy nhiên, một số lượng không nhỏ GV lựa chọn nghề này là vì “Có nhiều thời gian để nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình” (258 ý kiến, chiếm 64,7% đứng thứ 4). Như vậy, chúng ta có thể khẳng định GV vào nghề vì nhiều động cơ khác nhau. Có những động cơ xuất phát từ cá nhân, hoàn thiện bản thân và có những động cơ đóng góp cho xã hội và được làm việc trong môi trường sư phạm là chủ yếu. Nhìn chung, những động cơ nghề của GV là tích cực, trong sáng và phù hợp với đặc thù nghề sư phạm.

Để có những nhận xét chính xác hơn về động cơ nghề nghiệp của GV được nghiên cứu, chúng tôi tìm hiểu thêm sự đánh giá của cán bộ quản lý (CBQL) về động cơ nghề nghiệp của GV mà họ đang trực tiếp quản lý và chúng tôi cũng thu được kết quả tương đối phù hợp với kết quả của GV.

Để hiệu quả trong hoạt động sư phạm, ngoài việc phải có động cơ tích cực khi vào nghề, thì người GV cần phải có những phẩm chất và năng lực sư phạm nhất định. Vậy GV cần phải có những phẩm chất và năng lực nào?

2.2. Nhận thức của giảng viên đại học về những yêu cầu của nghề sư phạm

Trong nghiên cứu này chúng tôi đưa ra 21 phẩm chất và năng lực sư phạm cần có ở người GV. Với ĐTB chung mà các khách thể đạt được là 4,22 so với mức điểm tối đa là 5 thì đây là mức điểm cao, chứng tỏ GV nhận thức sâu sắc và tương đối tích cực về những yêu cầu, đòi hỏi của nghề. Đây là một điều kiện thuận lợi để các GV tham gia hoạt động sư phạm nói chung và hoạt động giảng dạy nói riêng đạt hiệu quả.

Đặc biệt, trong tất cả các yêu cầu trên thì yêu cầu GV phải có “Tính tích cực trong hoạt động sư phạm” là một trong 5 yêu cầu có mức độ cao với ĐTB = 4,45 và DLC = 0,57. Chứng tỏ GV đã ý thức được tầm quan trọng của tính tích cực đối với hoạt động sư phạm. Đây là cơ sở để các GV có thái độ và hành động tích cực hơn trong hoạt động giảng dạy của mình.

Bảng 3: Nhận thức của giảng viên đại học về các yêu cầu của nghề

Các yêu cầu	GV	
	ĐTB	ĐLC
1. Thế giới quan khoa học	4,21	0,98
2. Lòng yêu người	4,20	0,60
3. Lòng yêu nghề	4,51	0,54
4. Tinh thần trách nhiệm cao	4,57	0,57
5. Lòng nhân đạo	4,09	0,63
6. Sự tôn trọng đồng nghiệp và sinh viên	4,35	0,59
7. Thái độ công bằng, chính trực	4,21	0,59
8. Tính tình ngay thẳng và khiêm tốn	4,07	0,61
9. Tính nguyên tắc	3,62	0,97
10. Tính kiên nhẫn	3,98	0,61
11. Tính tích cực trong hoạt động sư phạm	4,45	0,57
12. Năng lực hiểu học sinh	4,11	0,56
13. Có trình độ chuyên môn sâu rộng	4,66	0,56
14. Năng lực nghiên cứu tài liệu học tập	4,38	0,67
15. Năng lực nắm vững kĩ thuật dạy học	4,38	0,61
16. Năng lực ngôn ngữ	4,48	0,62
17. Năng lực giáo dục nhân cách cho sinh viên	3,98	0,57
18. Năng lực giao tiếp sư phạm	4,05	0,58
19. Năng lực cảm hóa học sinh	3,96	0,58
20. Năng lực xử lý các tình huống sư phạm	4,09	0,61
21. Năng lực tổ chức các hoạt động sư phạm	4,19	0,68
TBC	4,22	0,63

Để có thêm thông tin cho nhận định trên, chúng tôi tìm hiểu ý kiến đánh giá của CBQL về những yêu cầu sư phạm cần phải có ở người GV, kết quả cho thấy: CBQL đánh giá những yêu cầu sư phạm cần có ở người GV cũng ở mức độ rất cao. Tuy nhiên, thứ tự các yêu cầu có khác so với ý kiến của các GV. Nếu “tính tích cực trong hoạt động sư phạm” theo GV có mức độ thứ 5, thì theo các CBQL “tính tích cực trong hoạt động sư phạm” phải là yêu cầu đầu tiên cần phải có ở người GV (31 ý kiến chiếm 84,36% xếp thứ 1). Tiếp sau đó mới là các yêu cầu khác. Điều đó chứng tỏ rằng: “tính tích cực trong hoạt động sư phạm” nói chung là một phẩm chất rất cần thiết ở người GV, vì nó là yếu tố quyết định sự hình thành, phát triển và hiện thực hoá ý nghĩa của các phẩm chất và năng lực sư phạm khác.

Nhiều GV cho rằng:

- + TTCGD góp phần quyết định trực tiếp chất lượng đào tạo.
- + Đã là GV, để hiệu quả trong hoạt động sư phạm nói chung và hoạt động giảng dạy nói riêng cần phải tích cực và không ngừng nâng cao TTCGD của mình.
- + Cần thiết phải có TTCGD để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, cống hiến nhiều cho chuyên ngành đào tạo.
- + Do trình độ SV ngày càng cao, xã hội cũng thay đổi từng ngày, từng giờ, nếu không tích cực hoá bài giảng sẽ không có tính thuyết phục cao với SV.
- + Cần TTCGD vì đó là tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, đó là hứng thú, say mê của mình chứ không phải chỉ là nghề kiếm sống.
- + Dạy học ở đại học đòi hỏi luôn phải đổi mới, cập nhật thực tế, đào tạo ra con người có khả năng đáp ứng yêu cầu xã hội và thời đại, có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời...
- + Làm cho bài giảng có chất lượng cao hơn và hấp dẫn hơn
- + TTCGD của GV kích thích được sinh viên học tập...

Khi xem xét sự đánh giá của CBQL về mức độ TTCGD của GV chúng tôi cũng thu được kết quả tương đối phù hợp với ý kiến của GV.

Qua kết quả trên cho chúng ta biết TTCGD là một phẩm chất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Vậy thực tế các GV được nghiên cứu đã có TTCGD chưa và TTCGD đó được biểu hiện như thế nào?

2.4. Tự đánh giá của các giảng viên Đại học Sư phạm về thực trạng tính tích cực giảng dạy của giảng viên đại học và các biểu hiện của nó

2.4.1. Tự đánh giá của GV về thực trạng TTCGD

Khi được hỏi: “Theo Thầy (cô) các GV trong trường đã có TTCGD chưa? Vì sao?”, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 4: Tự đánh giá của GVĐH về thực trạng TTCGD

Các mức độ	GV		CBQL	
	SL	%	SL	%
Có	217	55,5	31	81,6
Chưa có	82	21	3	7,9
Khó trả lời	91	23,3	4	10,5

Nhìn vào bảng trên ta thấy mức độ GV khẳng định là “có” rất khiêm tốn, chỉ có 217 ý kiến chiếm 55,5%. Còn lại gần một nửa (45,5%) trả lời “Chưa có” (21%) hoặc “Khó trả lời” (23,3%), thậm chí có người không trả lời câu hỏi này. Mặc dù đây chỉ là sự tự đánh giá, nhận định mang tính chủ quan và qua quan sát là chính, nhưng cũng cho chúng ta thấy một thực trạng là còn khá nhiều GV chưa có TTCGD.

Để tìm hiểu sâu hơn chúng tôi yêu cầu GV cho biết lý do “Vì sao”?. Kết quả cho thấy: Đa số GV không trả lời câu hỏi này, một số GV trả lời dờ dằng, một số ít GV trả lời “có” cho rằng: “Qua chất lượng dạy và học của môn học; qua biểu hiện của GV”; “Vì bản thân cũng là GV có TTCGD nên thiết nghĩ đã là GV ai cũng có TTCGD”... ở một vài GV trả lời “chưa có” thì cho rằng: vì chưa thực sự yêu nghề và tâm huyết với nghề, hoặc còn phải lo bươn trải bên ngoài để ổn định cuộc sống... Còn những GV cho là “khó trả lời” thì nêu lý do là không quan sát được, hoặc không biết tiêu chí để đánh giá thế nào là tích cực và thế nào là không tích cực, rồi vì trường quá đông cán bộ giảng dạy không biết hết...

Tự đánh giá của GV là như vậy, còn CBQL đánh giá vấn đề này như thế nào?

Ngược lại với GV, theo CBQL thì đa số GV các trường ĐH là “có” TTCGD (31 ý kiến chiếm 81,6%), chỉ có 3 ý kiến chiếm 7,9% cho là “chưa có”, và 4 ý kiến chiếm 10,5% là “khó trả lời”. Hy vọng kết quả này là khách quan vì các nhà quản lý, với kinh nghiệm và năng lực quản lý của mình, tổ chức; quản lý; kiểm tra đánh giá hàng năm chất lượng giảng dạy của GV sẽ có cách đánh giá khách quan và chính xác hơn.

2.4.2. Biểu hiện của tính tích cực giảng dạy của giảng viên đại học

Trên cơ sở tự đánh giá thực trạng về TTCGD của GV, chúng tôi đưa ra câu hỏi mở: **“Nếu “có”, Thầy (cô) có thể nêu một vài biểu hiện về TTCGD mà thầy (cô) từng thể hiện hoặc quan sát được ở đồng nghiệp của mình?”**

Kết quả thu được có thể thấy trên một số biểu hiện sau:

+ 84,6% GV tích cực tìm tòi và sử dụng nhiều phương pháp dạy học linh hoạt, áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học để SV tìm tòi kiến thức, tổ chức hoạt động cá nhân, tổ, nhóm... cho SV tự phản ánh và lĩnh hội kiến thức.

+ 83,3% GV lên lớp giảng dạy đúng giờ, nghiêm túc, nhiệt huyết, yêu cầu cao với SV, luôn trau dồi tri thức, tích cực nghiên cứu khoa học, phương pháp truyền đạt dễ hiểu.

+ 85,9% GV tích cực đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá và luôn nghiên cứu bổ sung kiến thức, học tập, nâng cao trình độ, đổi mới giờ dạy phù hợp với đối tượng và yêu cầu giảng dạy.

Nhìn chung, có rất nhiều ý kiến khác nhau nêu lên biểu hiện của TTCGD. Tuy nhiên, các ý kiến chủ yếu tập trung ở việc GV tích cực trong việc đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cũng như việc thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu, qui định... có lẽ vì những biểu hiện này dễ quan sát.

3. Kết luận

Như vậy, đa số GV được nghiên cứu có tính tích cực ở mức độ tương đối cao, được thể hiện thông qua việc nhận thức tương đối đầy đủ và chính xác về hoạt động sư phạm, các yêu cầu của hoạt động sư phạm, cũng như ý nghĩa và các biểu hiện của TTCGD trong hoạt động sư phạm... Kết quả của việc nhận thức này sẽ là điều kiện tiền đề để giảng viên có thái độ và hành động tích cực trong hoạt động giảng dạy của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Colin J. Marsh và George Willis, *Chương trình các phương pháp tiến cận, các vấn đề đang tiếp diễn*, Upper Saddle River, New Jersey Columbus, Ohio.
2. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1997), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phan Trọng Ngọ (2005), *Đạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB ĐH Sư phạm.
4. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2005), *Giáo dục học Tập I*, NXB ĐHSPT Hà Nội.
5. Nguyễn Thạc, Phạm Thành Nghị (2007), *Tâm lý học sư phạm đại học*, NXB ĐH Sư phạm.
6. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy - Đinh Văn Vang (2004), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSPT Hà Nội.